

**PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2025**

**(Trong khối các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng,  
nhà nước và khối doanh nghiệp)**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Đình Cường)*

| STT        | Đơn vị                                                                  | Số người<br>nộp quỹ | Định mức kinh phí<br>đóng góp<br>(đồng/người/năm) | Số tiền<br>(đồng) | Ghi<br>chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-------------------|------------|
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                        |                     |                                                   | <b>59.311.701</b> |            |
| <b>I</b>   | <b>KHỐI CƠ QUAN ĐẢNG</b><br><i>(bao gồm cán bộ bán chuyên trách)</i>    |                     |                                                   | <b>1.890.000</b>  |            |
| 1          | Thường trực Đảng ủy, Văn Phòng Đảng ủy                                  | 9                   | 54.000                                            | 486.000           |            |
| 2          | Ban xây dựng Đảng                                                       | 5                   | 54.000                                            | 270.000           |            |
| 3          | Ủy ban kiểm tra Đảng ủy                                                 | 5                   | 54.000                                            | 270.000           |            |
| 4          | Khối Mặt trận và các Đoàn thể                                           | 16                  | 54.000                                            | 864.000           |            |
| <b>II</b>  | <b>KHỐI CƠ QUAN UBND XÃ</b><br><i>(bao gồm cán bộ bán chuyên trách)</i> |                     |                                                   | <b>2.430.000</b>  |            |
| 1          | Hội đồng nhân dân                                                       | 3                   | 54.000                                            | 162.000           |            |
| 2          | Lãnh đạo UBND + Văn phòng HĐND và UBND                                  | 11                  | 54.000                                            | 594.000           |            |
| 3          | Phòng Kinh tế                                                           | 10                  | 54.000                                            | 540.000           |            |
| 4          | Trung tâm phục vụ hành chính công                                       | 6                   | 54.000                                            | 324.000           |            |
| 5          | Phòng Văn hóa - xã hội                                                  | 11                  | 54.000                                            | 594.000           |            |
| 6          | Trung tâm cung ứng dịch vụ công                                         | 4                   | 54.000                                            | 216.000           |            |
| <b>III</b> | <b>KHỐI CÁC TRƯỜNG HỌC</b>                                              |                     |                                                   | <b>12.690.000</b> |            |
| 1          | Trường THCS Lê Khiết                                                    | 28                  | 54.000                                            | 1.512.000         |            |
| 2          | Trường THCS Phạm Văn Đồng                                               | 28                  | 54.000                                            | 1.512.000         |            |
| 3          | Trường THCS Nguyễn Kim Vang                                             | 27                  | 54.000                                            | 1.458.000         |            |
| 4          | Trường Tiểu học Hành Thịnh                                              | 29                  | 54.000                                            | 1.566.000         |            |
| 5          | Trường Tiểu học Hành Phước                                              | 33                  | 54.000                                            | 1.782.000         |            |
| 6          | Trường Tiểu học Hành Đức                                                | 26                  | 54.000                                            | 1.404.000         |            |
| 7          | Trường Mầm non Hành Thịnh                                               | 22                  | 54.000                                            | 1.188.000         |            |
| 8          | Trường Mầm non Hành Phước                                               | 21                  | 54.000                                            | 1.134.000         |            |
| 9          | Trường Mầm non Hành Đức                                                 | 21                  | 54.000                                            | 1.134.000         |            |
| <b>IV</b>  | <b>CÁC TRẠM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ</b>                                    | <b>21</b>           | <b>54.000</b>                                     | <b>1.134.000</b>  |            |

| STT | Đơn vị                                                           | Số người<br>nộp quỹ | Định mức kinh phí<br>đóng góp<br>(đồng/người/năm) | Số tiền<br>(đồng) | Ghi<br>chú                           |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------|
| V   | CÁN BỘ BÁN CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN: 21<br>THÔN                       | 57                  | 54.000                                            | 3.078.000         |                                      |
| VI  | KHÔI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ ( <i>DOANH<br/>NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ</i> ) |                     |                                                   | 38.089.701        | Chi tiết<br>tại PL<br>02 kèm<br>theo |